

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 1960

LUẬT

TỔ CHỨC QUỐC HỘI NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Căn cứ vào chương IV của Hiến pháp nói về Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, luật này quy định về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Uỷ ban thường vụ Quốc hội, các Uỷ ban của Quốc hội và quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của các đại biểu Quốc hội.

CHƯƠNG I

HỘI NGHỊ QUỐC HỘI

Điều 1

Quốc hội mỗi năm họp thường lệ hai kỳ: kỳ thứ nhất chậm nhất vào tháng tư, kỳ thứ hai chậm nhất vào tháng mười.

Quốc hội có thể họp bất thường theo điều 46 của Hiến pháp.

Các kỳ họp của Quốc hội do Uỷ ban thường vụ Quốc hội triệu tập.

Kỳ họp thứ nhất của mỗi khoá Quốc hội do Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá trước triệu tập, chậm nhất là hai tháng sau khi tuyển cử.

Điều 2

Trong kỳ họp thứ nhất của mỗi khoá Quốc hội, Quốc hội bầu ra Uỷ ban thẩm tra tư cách đại biểu. Uỷ ban này dựa vào giấy chứng nhận trúng cử và các tài liệu có liên quan đến việc tuyển cử mà thẩm tra tư cách đại biểu của các đại biểu Quốc hội.

Quốc hội căn cứ vào báo cáo của Uỷ ban thẩm tra tư cách đại biểu xác nhận tư cách đại biểu của các đại biểu Quốc hội hoặc tuyên bố việc tuyển cử cá biệt đại biểu không có giá trị.

Điều 3

Đại biểu Quốc hội có thể họp thành các đoàn đại biểu địa phương theo đơn vị tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương.

Trong mỗi kỳ họp của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội trao đổi ý kiến về những vấn đề cần thiết của kỳ họp.

Giữa hai kỳ họp của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội giữ quan hệ với Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 4

Bắt đầu mỗi kỳ họp, Quốc hội họp phiên trừ bị để thông qua chương trình nghị sự, bầu Chủ tịch đoàn và Thư ký đoàn của kỳ họp.

Điều 5

Chủ tịch đoàn điều khiển kỳ họp Quốc hội, cử người làm Chủ tịch các phiên họp của Quốc hội.

Điều 6

Thư ký đoàn có nhiệm vụ lập biên bản kỳ họp và biên bản các phiên họp của Quốc hội, làm các việc khác do Chủ tịch đoàn giao cho.

Điều 7

Quốc hội họp công khai.

Quốc hội có thể họp kín theo đề nghị của Chủ tịch đoàn hoặc của Hội đồng Chính phủ.

Điều 8

Quốc hội bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Danh sách do các đoàn đại biểu Quốc hội và Chủ tịch đoàn giới thiệu chung. Cá nhân đại biểu Quốc hội cũng có quyền giới thiệu.

Điều 9

Quốc hội bầu Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký và các Ủy viên của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Danh sách do các đoàn đại biểu Quốc hội và Chủ tịch đoàn giới thiệu chung. Cá nhân đại biểu Quốc hội cũng có quyền giới thiệu.

Điều 10

Quốc hội quyết định cử Thủ tướng Chính phủ, Phó chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quốc phòng theo đề nghị của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và quyết định

cử Phó thủ tướng và các thành viên khác của Hội đồng Chính phủ theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11

Quốc hội bầu Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 12

Các thành viên của Hội đồng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền tham dự các phiên họp của Quốc hội.

Điều 13

Trong các kỳ họp thường lệ của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội báo cáo công tác trước Quốc hội. Tại kỳ họp đầu tiên của mỗi khoá, Ủy ban thường vụ quốc hội khoá trước báo cáo công tác đã làm từ kỳ họp cuối cùng của khoá trước.

Điều 14

Trong các kỳ họp thường lệ của Quốc hội, Hội đồng Chính phủ báo cáo công tác trước Quốc hội.

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải báo cáo công tác trước Quốc hội ít nhất mỗi năm một lần.

Điều 15

Chủ tịch, Phó chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch đoàn kỳ họp Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng Chính phủ có quyền trình dự án luật và các dự án khác ra trước Quốc hội.

Các dự án đều do Chủ tịch đoàn kỳ họp Quốc hội nêu ra để Quốc hội thảo luận hoặc giao cho các Ủy ban hữu quan của quốc hội thẩm tra trước khi nêu ra để Quốc hội thảo luận.

Điều 16

Dự án kế hoạch Nhà nước, dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm do Hội đồng Chính phủ trình Quốc hội vào kỳ họp đầu năm.

Điều 17

Đại biểu Quốc hội muốn phát biểu ý kiến phải báo trước để Chủ tịch đoàn sắp xếp thứ tự phát biểu ý kiến.

Điều 18

Chủ tịch đoàn hoặc đại biểu Quốc hội có thể đề nghị kết thúc cuộc thảo luận của Quốc hội. Quốc hội sẽ quyết định về đề nghị này bằng cách biểu quyết không thảo luận.

Điều 19

Các nghị quyết của Quốc hội phải được quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành, trừ trường hợp sửa đổi Hiến pháp quy định ở điều 112 của Hiến pháp.

Quốc hội biểu quyết bằng cách giơ tay hoặc bằng cách bỏ phiếu kín.

Đại biểu Quốc hội không được biểu quyết bằng cách gửi giấy hoặc bằng cách nhờ người khác bỏ phiếu thay.

CHƯƠNG II

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 20

Ủy ban thường vụ Quốc hội sử dụng những quyền hạn ghi trong điều 53 của Hiến pháp.

Điều 21

Trong kỳ họp đầu tiên của mỗi khoá Quốc hội, Quốc hội bầu Chủ tịch, các Phó chủ tịch, tổng thư ký và các uỷ viên của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Số Phó chủ tịch và uỷ viên trong Ủy ban thường vụ Quốc hội do Quốc hội định.

Điều 22

Các thành viên của Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể đồng thời là thành viên của Hội đồng Chính phủ.

Điều 23

Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập và chủ tọa hội nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội, điều khiển công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 24

Khi Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội vì lý do sức khoẻ không làm việc được trong một thời gian dài hoặc khi khuyết Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Ủy ban thường vụ Quốc hội cử một Phó chủ tịch quyền Chủ tịch cho đến khi Chủ tịch làm việc trở lại hoặc Quốc hội bầu Chủ tịch mới.